

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HSST

Ngày 21- 11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký;
2. Ông: Lê Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 07 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/HSST ngày 03/09/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11; 15; 16 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Ng - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1984 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lá xe; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn H - Sinh năm 1962; Họ tên mẹ: Lê Thị Phương - Sinh năm 1966; Cùng trú tại: Thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai; Vợ: Lê Thị Huyền – Sinh năm 1990; Con: Có 02 con, Con thứ nhất sinh năm 2015; Con thứ hai sinh năm 2019. Tiền sự/Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” 03 ngày, kể từ 30/4/2019 đến ngày 03/5/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn N; Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 5 năm 1985 tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn D - Sinh năm 1959; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Tuyết - Sinh năm 1963; Cùng trú tại: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ hai; Bị can chưa lập gia đình; Tiền sự/Tiền án: Không; Nhân thân: Tham gia phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 2 năm 2005 đến hết tháng 1 năm 2008.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” 06 ngày, kể từ 27/4/2019 đến ngày 03/5/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

3. Họ và tên: Trần Văn V ; Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1993 tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đại Đồng, xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Trần Văn T - Sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Trần Thị Kh - Sinh năm 1957; Cùng trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ ba; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/9/2018, bị Công an huyện Như Xuân xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về trật tự công cộng”, đã chấp hành xong;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” 03 ngày, kể từ 29/4/2019 đến ngày 02/5/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

4. Họ và tên: Đào Văn Q; Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 7 năm 1997 tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Họ tên cha: Đào Văn T1 - Sinh năm 1957; Họ tên mẹ: Lê Thị Gi - Sinh năm 1959; Cùng trú tại: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ ba; Vợ: Mai Thị Lệ - Sinh năm: 1999; Con: Có 01 con, sinh năm 2017; Tiền sự/Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” 06 ngày, kể từ 27/4/2019 đến ngày 03/5/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

5. Họ và tên: Hoàng Công Đ ; Giới tính: Nam ; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1992 tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Hoàng Công Đ1 - Sinh năm 1954; Trú tại: Thôn Lộc Tiến, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1957 - Đã chết; Gia đình có 04 anh chị em, bị can là con thứ tư; Tiền án: Ngày 30/3/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” 03 ngày, kể từ 29/4/2019 đến ngày 02/5/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/4/2019, Nguyễn Văn N gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Ng để hỏi tiền nợ thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, thách thức nhau. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Ng rủ anh Lê Văn Sự, sinh năm 1990 trú tại xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và anh Lê Văn H, sinh năm 1988, trú tại thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đi đến quán ăn Lý Lượng, đối diện với cửa hàng cầm đồ 79 ở thôn Mỹ Ré, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để ăn tối. Khi đến quán Lý Lượng, do vẫn còn bức tức với N nên Ng gọi điện thoại cho N với lời lẽ thách thức “Mày có thích đánh nhau không, tao đang đứng trước quán nhà mày đây này”. Lúc này, N cùng với Trần Văn V và Đào Văn Q đang ngồi ăn uống tại quán Hùng Hương, ngay bên cạnh quán cầm đồ 79. Nghe Ng nói vậy, N nói với V và Q về việc Ng thách thức đánh nhau rồi đi ra phía sau quán Hùng Hương lấy dao, kiếm ra, đưa cho V, Q mỗi người một con dao còn bản thân thì cầm một thanh kiếm và cùng nhau chạy sang bên đường nơi Ng đang đứng. Thấy nhóm của N cầm dao, kiếm chạy đến, Ng chạy vào quán Lý Lượng lấy một con dao ra định đánh nhau với nhóm của N nhưng do chỉ có một mình, biết không chống lại được nên Ng cầm dao bỏ chạy. N, V và Q đuổi theo Ng,

hai bên rượt đuổi nhau qua cửa hàng xăng dầu Yên Cát ra đường Quốc lộ 45. Do Ng chạy nhanh nên nhóm của N không đuổi kịp. N quay lại trước cửa quán Lý Lượng thì thấy anh Lê Văn H, N hỏi có phải anh H đi cùng với Ng không và dùng thân kiếm đập vào người anh H. N và anh H giằng co thanh kiếm với nhau. N quật ngã anh H xuống đất thì Q chạy lại dùng tay chân đâm đá vào người anh H. Hậu quả: anh H bị thương ở tay trái. Sau đó, được mọi người can ngăn thì N, Q và V cùng nhau bỏ về.

Về đến quán cầm đồ 79, N gọi điện cho Ng nói "Mày thách đánh nhau tại sao lại chạy". Ng trả lời "Chờ 10 phút nữa tao quay lại". Ng nói xong thì cầm dao đi bộ quay trở lại cửa hàng xăng dầu Yên Cát. Đang đi, Ng gặp anh Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô đi qua, do quen biết nên Ng xin anh T đi nhờ. Khi đến cửa hàng xăng dầu Yên Cát, Ng xuống xe định cầm theo dao nhưng anh T can ngăn nên Ng để dao lại.

Về phía nhóm của N, nghe Ng hẹn 10 phút nữa tiếp tục đánh nhau, V đi vào phòng trong gọi Hoàng Công Đ đang ngủ dậy. Đ dậy, đi ra hỏi N có chuyện gì thì N nói "Có thằng Ng hẹn đánh nhau". Nghe N nói vậy, Đ đi rửa mặt. Lúc này, thấy Ng xuất hiện bên cửa hàng xăng dầu Yên Cát cùng với nhiều thanh niên nên N, Q và V tiếp tục cầm dao chạy sang. Còn Đ, sau khi rửa mặt xong, xuống bếp lấy một dao rồi chạy sang với N, Q và V.

Thấy N, Q và V cầm dao, kiếm chạy sang, Ng lùi vào trong phòng làm việc của cửa hàng xăng dầu Yên Cát. N đi vào trong phòng dùng kiếm đánh Ng, làm Ng bị thương ở đầu và cẳng tay trái. Bị đánh, Ng kêu lên, sau đó mọi người can ngăn nên N không đánh Ng nữa mà đi ra ngoài nói chuyện với anh Nguyễn Văn T. Lúc này, Lê Hữu C, sinh năm 1997, trú tại khu phố Lúng, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân nói với N "Bọn mày tuổi gì mà quậy ở đất đây". Nghe vậy, N, Q liền cầm dao, kiếm đuổi đánh C. Cùng lúc này, Ng từ trong nhà làm việc của cửa hàng xăng dầu Yên Cát đi ra, tiến lại chỗ ô tô của anh Nguyễn Văn T lấy con dao rồi chém V một phát nhưng không trúng. V và Đ đuổi chém lại Ng nhưng cũng không trúng. Ng bỏ chạy ra xa thì Đ và V không đuổi nữa. Còn N và Q đuổi đánh C nhưng không kịp cũng bỏ về.

Trong quá trình điều tra, N, Q, V, Đ và Ng lần lượt đến Công an huyện Như Xuân đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với thương tích của Nguyễn Văn Ng do Nguyễn Văn N gây ra và của anh Lê Văn H do Nguyễn Văn N và Đào Văn Q gây ra. Do Ng và anh H đã từ chối

giám định sức khỏe và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với những người gây ra thương tích cho mình. Công an huyện Như Xuân đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn N và Đào Văn Q theo quy định.

Những đồ vật thu được trong vụ án: Toàn bộ số dao, kiếm mà Ng, N, V, Q và Đ sử dụng để đánh nhau bao gồm:

- 01 con dao, dạng dao nắm, lưỡi dao sắc dài 39cm, chỗ rộng nhất 6,3cm, cán dao bằng gỗ dài 14,5 cm, hai đầu cán dao bọc kim loại, dao đã bị rỉ sắt;
- 01 con dao, dạng dao bài, dài 38,4cm, trong đó lưỡi dao dài 26 cm, chỗ rộng nhất là 7,2cm, cán dao bằng gỗ dài 12,4cm đã bị vỡ, dao đã bị rỉ sắt;
- 01 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 76cm, trong đó: Lưỡi sắc dài 51cm đã bị cong vênh, chỗ rộng nhất là 2,8cm, cán bằng ống thép và gỗ dài 25cm, đã bị rỉ sắt;
- 01 con dao bằng kim loại, dài 84,6cm, trong đó: Lưỡi dao sắc dài 66,5cm, chỗ rộng nhất là 5cm, cán dao bằng gỗ dài 18,1cm, dao đã bị rỉ sắt;
- 01 con dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, toàn bộ thân dao và cán dao dài 42 cm, chỗ rộng nhất là 9cm, chỗ hẹp nhất là 3cm, lưỡi dao sắc, mũi dao bằng.

Toàn bộ tang vật trên chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân để bảo quản bảo đảm việc xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-KSĐT-TA ngày 15/7/2019 của Viện trưởng VKSND huyện Như Xuân, Thanh Hóa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ng và Đồng phạm về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 17, 58 và Điều 65 BLHS. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn N, Trần Văn V, Đào Văn Q, Hoàng Công Đ, phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn N mức án từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị cáo Đào Văn Q 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; các điều 17, 58, 38 BLHS.

Tuyên phạt Trần Văn V từ 24 đến 30 tháng tù giam, được trừ đi 3 ngày tạm giữ.

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 17,58,38 BLHS.

Tuyên phạt Hoàng Công Đ 24 đến 30 tháng tù giam. Tổng hợp với 12 tháng tù giam của bản án trước, trừ đi 03 ngày tạm giữ trong vụ án này và 141 ngày bị tạm giữ, tạm giam của vụ án trước.

Về phần vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 1, các điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX: Tịch thu tiêu hủy 05 con dao mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23, nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Các bị cáo đều không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra V; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người làm chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 26/4/2019, tại khu vực cửa hàng xăng dầu Yên Cát ở thôn Mỹ Ré, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, do mâu thuẫn cá nhân, Nguyễn Văn Ng đã có hành vi thách thức Nguyễn Văn N, Trần Văn V, Đào Văn Q và Hoàng Công Đ đánh nhau. Sau đó, N, V, Q, Đ và Ng đã hai lần dùng dao, kiếm đuổi đánh nhau. Ngoài ra, N và Q còn có hành vi dùng kiếm và tay chân

đánh anh Lê Văn H, sinh năm 1988, trú tại thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và đuổi đánh anh Lê Hữu C, sinh năm 1997, trú tại khu phố Lúng, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Hành vi của Ng, N, V, Q và Đ đã gây náo loạn, làm ngừng trệ việc kinh doanh bình thường của cửa hàng xăng dầu Yên Cát, gây hoang mang cho những người chứng kiến sự việc và những hộ dân sống quanh khu vực, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự khu vực, gây mất trật tự an toàn công cộng, gây tâm lý bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Như Cáo trạng của VKSND huyện Như Xuân đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả và nhân thân thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi đó đã trực tiếp xâm hại tới trật tự công cộng, an toàn xã hội, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống cộng đồng, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng. Do vậy, cần thiết phải có hình phạt tương xứng đối với các bị cáo để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể; các bị cáo nhất thời phạm tội. Xong cũng cần xem xét các vai trò của từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ng: Là khởi xướng trước, trực tiếp dùng lời lẽ thách thức, dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác trong vụ án này. Nên trong vụ án này bị cáo Ng giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: là người được Ng điện thoại thách thức, lẽ ra khi nghe điện thoại của Ng N nên khuyên Ng dừng lại và bình tĩnh để không xảy ra xung đột thì bị cáo lại hưởng ứng và lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia. Vì vậy, bị cáo N là người có vai trò thứ hai trong vụ án này.

Đối với bị cáo Trần Văn V và Đào Văn Q: là người được N nói lại về việc Ng thách thức, lẽ ra khi biết sự việc V và Q phải khuyên N bình tĩnh, các bên nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn thì các bị cáo lại hưởng ứng và cùng tham gia tích cực. Vì vậy, bị cáo V và Q giữ vai trò tiếp theo trong vụ án và phải chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo Ngoc, N.

Đối với bị cáo Hoàng Công Đ: Tham gia ở giai đoạn sau của vụ án. Vì vậy, bị cáo Đ là người có vai trò thấp nhất trong vụ án nên hình phạt thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Ng, N, Q trong vụ án này đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú trước cơ quan điều tra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Ng còn có giấy xác nhận của chính quyền địa phương về việc chấp hành tốt đường lối chính sách pháp luật tại nơi cư trú nên khi lượng hình cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS không cần bắt các bị cáo phải chấp hành trong trại giam cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo V có quá trình nhân thân xấu, bị cáo V có một tiền sự về hành vi vi phạm trật tự công cộng. Bị cáo Đ có 1 tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” đang trong thời gian thử thách lại phạm tội mới nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Căn cứ vào các quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về điều 65 BLHS 2015 thì bị cáo V và Đ không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo mà cần thiết bắt buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng của vụ án: Gồm 01 con dao, dạng dao năm, lưỡi dao sắc dài 39cm, chỗ rộng nhất 6,3cm, cán dao bằng gỗ dài 14,5 cm, hai đầu cán dao bọc kim loại, dao đã bị rỉ sắt; 01 con dao, dạng dao bài, dài 38,4cm, trong đó lưỡi dao dài 26 cm, chỗ rộng nhất là 7,2cm, cán dao bằng gỗ dài 12,4cm đã bị vỡ, dao đã bị rỉ sắt; 01 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 76cm, trong đó: Lưỡi sắc dài 51cm đã bị cong vênh, chỗ rộng nhất là 2,8cm, cán bằng ống thép và gỗ dài 25cm, đã bị rỉ sắt; 01 con dao bằng kim loại, dài 84,6cm, trong đó: Lưỡi dao sắc dài 66,5cm, chỗ rộng nhất là 5cm, cán dao bằng gỗ dài 18,1cm, dao đã bị rỉ sắt; 01 con dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, toàn bộ thân dao và cán dao dài 42 cm, chỗ rộng nhất là 9cm, chỗ hẹp nhất là 3cm, lưỡi dao sắc, mũi dao bằng. Đây là vật chứng các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện đang lưu trữ tại kho tang vật của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội

nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 1, các điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Ng, N, V, Q, Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Ng; Nguyễn Văn N; Trần Văn V; Đào Văn Q và Hoàng Công Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 và Điều 65 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo: Nguyễn Văn Ng; Nguyễn Văn N và Đào Văn Q.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ng 33 (Ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn Q 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ng cho UBND xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Đào Văn Q cho UBND xã Quảng Trung huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo: Trần Văn V.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, được trừ đi 3 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo V phải chấp hành tiếp 23 (Hai ba) tháng 27 (hai bảy ngày tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 56; Điều 58; Điều 38; khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015 đối với bị cáo: Hoàng Công Đ.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Công Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Tổng hợp với 12 (Mười hai) tháng tù của bản án trước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 (Ba sáu) tháng tù nhưng được trừ đi 03 ngày tạm giữ trong vụ án này và 141 ngày tạm giam của bản án trước. Bị cáo Đ còn phải chấp hành tiếp 31 (Ba mươi một) tháng 06 (Sáu) ngày tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 1, điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 05 con dao mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội: Gồm 01 con dao, dạng dao năm, lưỡi dao sắc dài 39cm, chỗ rộng nhất 6,3cm, cán dao bằng gỗ dài 14,5 cm, hai đầu cán dao bọc kim loại, dao đã bị rỉ sắt; 01 con dao, dạng dao bài, dài 38,4cm, trong đó lưỡi dao dài 26 cm, chỗ rộng nhất là 7,2cm, cán dao bằng gỗ dài 12,4cm đã bị vỡ, dao đã bị rỉ sắt; 01 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 76cm, trong đó: Lưỡi sắc dài 51cm đã bị cong vênh, chỗ rộng nhất là 2,8cm, cán bằng ống thép và gỗ dài 25cm, đã bị rỉ sắt; 01 con dao bằng kim loại, dài 84,6cm, trong đó: Lưỡi dao sắc dài 66,5cm, chỗ rộng nhất là 5cm, cán dao bằng gỗ dài 18,1cm, dao đã bị rỉ sắt; 01 con dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, toàn bộ thân dao và cán dao dài 42 cm, chỗ rộng nhất là 9cm, chỗ hẹp nhất là 3cm, lưỡi dao sắc, mũi dao bằng. Các vật chứng trên hiện đang lưu trữ tại kho tang vật của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Như Xuân theo Biên bản giao nhận vật chứng số 20/2019/TSVC ngày 18/7/2019 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23, nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn Ng; Nguyễn Văn N; Trần Văn V; Đào Văn Q và Hoàng Công Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn